

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoàn và bà Trần Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1993 (có mặt);

HKTT: Thôn 5 K, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: TDP V, phường Kh, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Bà Luân Thị Nương - Luật sư Văn phòng luật sư Kết Nối, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt);

- Bị đơn: Anh Doãn Văn L, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn 5 K, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Chị và anh Doãn Văn L kết hôn ngày 11/6/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị về sống cùng bố mẹ anh L tại thôn 5 K, xã H. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 4

năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không tin tưởng chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Ngoài ra, còn có nguyên nhân là giữa chị và mẹ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 7/2022, vợ chồng sống ly thân. Chị đã làm đơn xin ly hôn với anh L nhưng sau đó đã rút đơn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là Doãn Gia B, sinh ngày 09/7/2019 hiện cháu đang ở cùng anh L. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu B, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm công nhân Công ty TNHH BHFLEX VINA; địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên thu nhập ổn định từ 12 đến 13 triệu đồng/tháng. Chị đang ở trọ ở phường Khai Quang để thuận tiện cho công việc. Nếu được nuôi cháu B, bố mẹ chị có nói với chị sẽ ở cùng chị để tiện hỗ trợ trong việc chăm sóc cháu B. Hiện tại bố mẹ chị vẫn ở tỉnh Gia Lai, điều kiện của gia đình rất tốt cho sự phát triển của cháu B. Nguyên vọng chị nuôi cháu B là do chị là người mẹ muốn chăm sóc gần gũi con, cháu còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Quá trình từ khi anh chị sống ly thân thì gia đình anh L ngăn cản không cho chị thăm con, chị thấy con chị không được chăm sóc chu đáo, ăn mặc quần áo lếch thếch không được sạch sẽ. Anh L nói cho cháu đi học nhưng nhiều lần chị về thăm con thì nhà trường đều nói cháu không đi học mà ở nhà. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Doãn Văn L trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày là đúng. Nay chị Th có đơn ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị Th có 01 con chung là cháu B. Ly hôn anh xin nuôi con không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Từ khi anh và chị Th sống ly thân cháu B ở cùng anh, anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cháu phát triển bình thường, không bị ốm đau. Anh và cháu B đang ở cùng bố mẹ anh, hằng ngày bố mẹ anh hỗ trợ anh chăm sóc cháu. Cháu B đang được anh cho theo học tại Trường Mầm non H theo đúng độ tuổi. Hiện tại, anh đang làm nghề lao động tự do cụ thể là đập phá bê tông; công việc ổn định, thu nhập từ 600.000đ đến 700.000đ/1 ngày. Anh xét thấy đủ điều kiện được nuôi cháu B và anh không đồng ý để chị Th nuôi con vì hiện tại chị Th đang đi ở trọ, không có nhà đất cụ thể; bố mẹ chị Th ở quê không thể hỗ trợ chị trông con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, luật sư Luân Thị Nương trình bày: Quá trình chung sống giữa chị Th và anh L có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh, chị ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B. Do cháu còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Trong thời gian sống ly thân, gia đình anh L luôn cản trở, gây khó khăn không cho chị Th thăm cháu, ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu B và của chị Th. Cháu B ở cùng gia đình anh L nhưng cháu thường xuyên đau ốm, nội dung xác minh do địa phương và nhà trường cung cấp là không đúng sự thật. Vì vậy, nếu giao cháu B cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu.

* Xác minh tại UBND xã H thể hiện: Anh Doãn Văn L và chị Trần Thị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 11/6/2019, vào sổ số 36/2019. Sau khi kết hôn chị Th về chung sống cùng gia đình anh L, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và sự không tin tưởng lẫn nhau giữa các bên. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị anh theo quy định.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Doãn Gia B, sinh ngày 09/7/2019 hiện đang ở cùng anh L. Việc chăm sóc cháu được anh L cùng bố mẹ anh chăm sóc rất tốt. Anh L và gia đình đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu B. Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* Xác minh tại Trường Mầm non H thể hiện: Cháu B đang học lớp 3 tuổi A1 tại trường. Cháu B vẫn thường xuyên đi học, chỉ những ngày ốm hoặc nhà cháu có việc cháu mới nghỉ học. Nhà trường thấy cháu B phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ, cháu khỏe mạnh và rất thông minh, hòa đồng với các bạn cùng trang lứa. Nhà trường thấy mẹ cháu là chị Th đến hỏi thăm cháu một lần nhưng do hôm đó cháu B bị ốm nên gia đình xin cho cháu ở nhà nên chị Th không thăm được cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Th, xử cho chị Th ly hôn anh L; Về con chung: Giao cháu Doãn Gia B, sinh ngày 09/7/2019 cho anh Doãn Văn L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th không phải đóng góp nuôi con; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân, hiện anh L đang sinh sống tại xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh Doãn Văn L và chị Trần Thị Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh L, chị Th là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi chửi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ, lạnh nhạt. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2022 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh L đã đến mức căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị Th xin ly hôn, anh L cũng đồng ý nên cần giải quyết cho anh L ly hôn chị Th là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Th và anh L thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Doãn Gia B, sinh ngày 09/7/2019 hiện cháu đang ở cùng anh L, ly hôn chị Th và anh L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Anh L, chị Th đều có điều kiện kinh tế, có thu nhập ổn định, đều đủ điều kiện để chăm sóc cháu B. Tuy nhiên, xét điều kiện hiện tại thấy rằng: chị Th hiện tại không có chỗ ăn ở ổn định, chị đang thuê phòng ở trọ tại phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Chị chỉ có hợp đồng lao động ngắn hạn, thời gian làm việc của chị nhiều lúc phải làm ca đêm nên sẽ không đảm bảo được sự ổn định trong cuộc sống cho cháu B. Gia đình chị bố mẹ đều ở tỉnh Gia Lai, hiện tại không có ai hỗ trợ chị chăm sóc cháu B. Mặt khác, cháu B ở với anh L phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ, không bị ốm đau. Hàng ngày, ngoài anh

L trực tiếp chăm sóc cháu B còn có sự giúp đỡ, hỗ trợ của ông bà nội. Cháu B đã và đang học lớp mầm non 3 tuổi Trường mầm non H; được Trường mầm non H xác nhận: Cháu B phát triển, nhận thức tốt, rất ngoan và hòa đồng với các bạn trong lớp. Tại buổi hòa giải và phiên tòa chị Th có trình bày: “Nếu được nuôi cháu B bố mẹ chị có nói với chị là sẽ mua đất, mua nhà ở ngoài Bắc gần chỗ chị làm và bố mẹ chị sẽ ở cùng chỉ để chị tiện chăm sóc đưa đón cháu đi học và khi chị bận công việc thì bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị chăm sóc cháu B”, bố mẹ đẻ chị Th là ông Trần Văn Lý và bà Trần Thị Gái có đơn xác nhận nội dung như chị Th trình bày. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào tình hình thực tế về chỗ ăn, ở để đảm bảo điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập tốt nhất cho cháu B. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống của cháu B, gây ảnh hưởng tâm lý cũng như sự phát triển của cháu nên giao cháu B cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Th xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Doãn Văn L.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Doãn Văn L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Doãn Gia B, sinh ngày 09/7/2019 (Hiện nay cháu B đang ở cùng anh L). Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số: 0001437 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị Th đã thực hiện xong án phí sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hưng